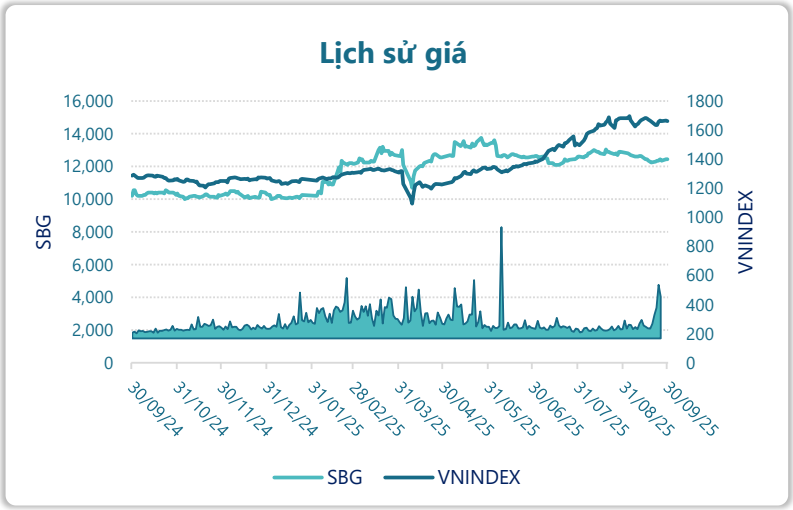
FireAnt

CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (HSX: SBG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	49,999,963
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125,710
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	622
P/E	18.7
EPS	664

DT thuần

Q3/25

231

tỷ VNĐ

QoQ: ▼202| -46.6%

YoY: ▼253| -52.2%

LN sau thuế

Q3/25

4.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.01| -31.7%

YoY: ▼13.2| -75.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.6%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

9T 2025

1,325

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,036| -43.9%

LN sau thuế

9T 2025

19.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.80| -30.6%

ROE

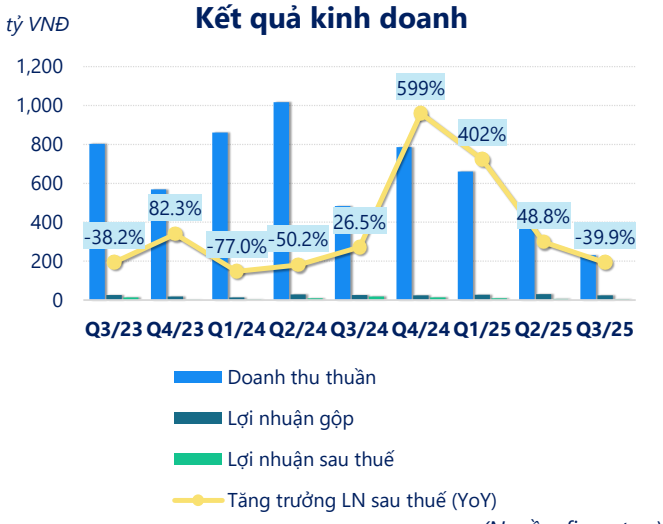
Q3/25

6.3%

+/- YoY: ▼ 0.4%

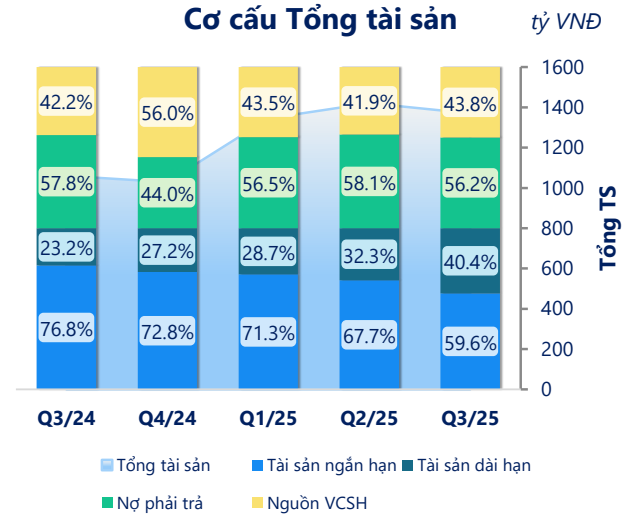
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



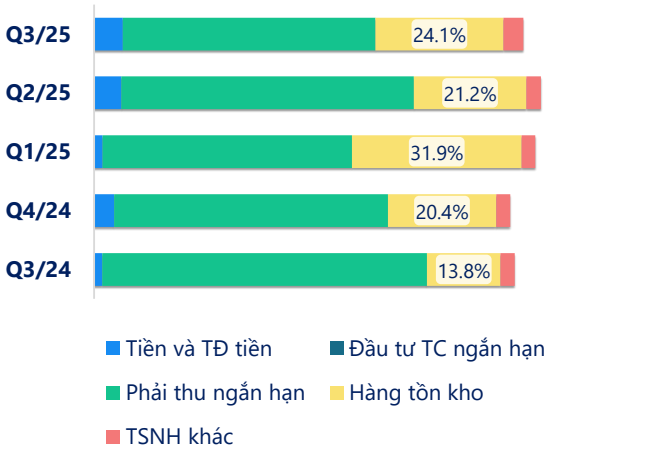
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



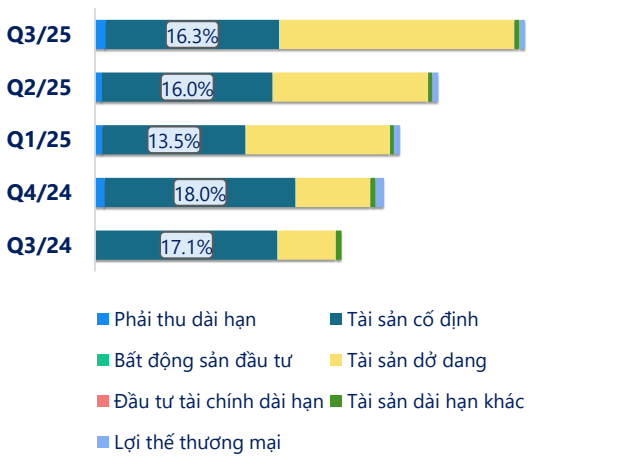
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



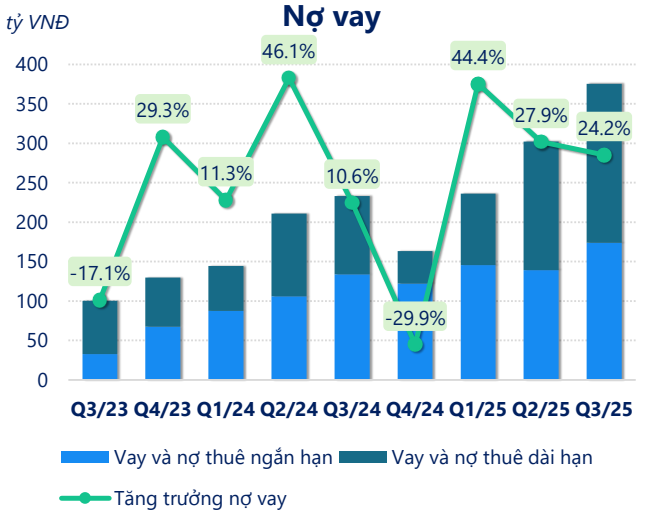
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



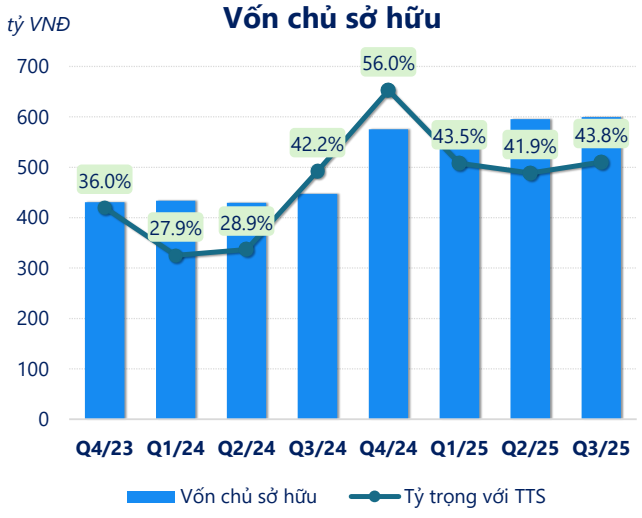
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



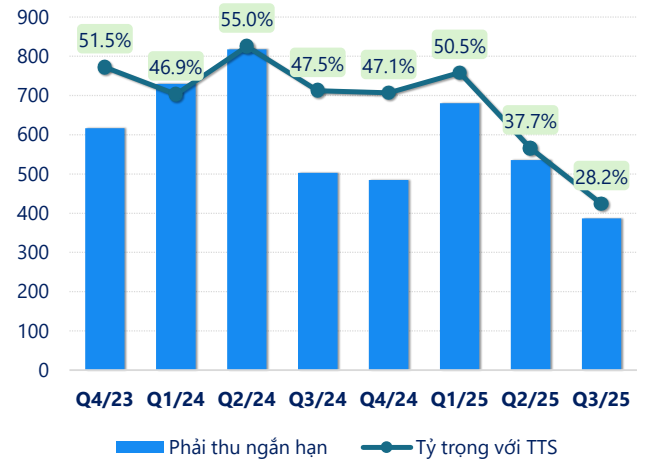
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



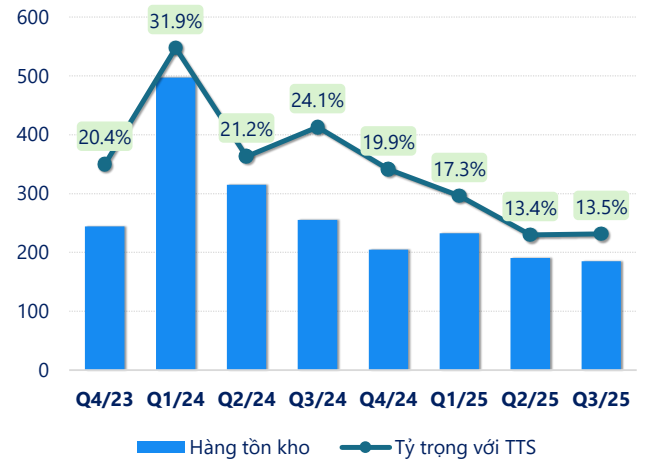
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



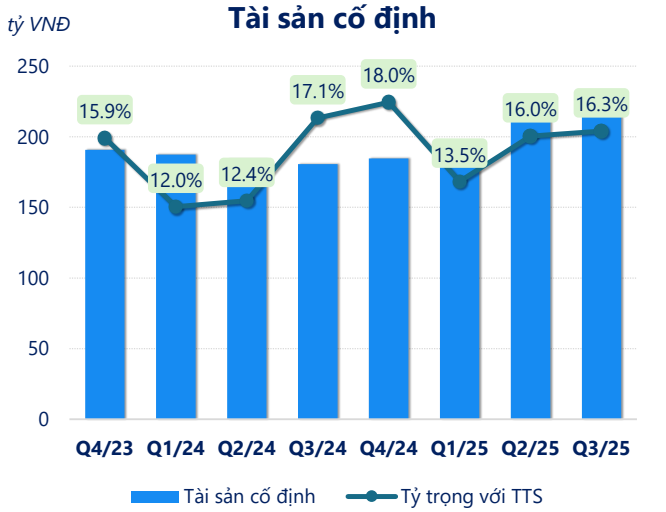
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



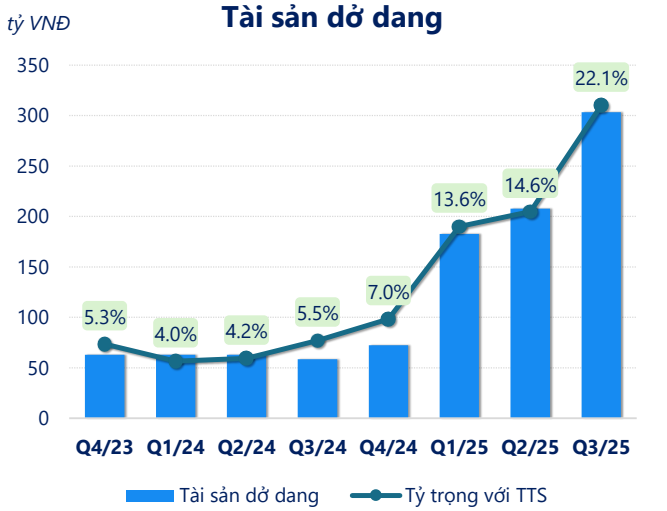
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



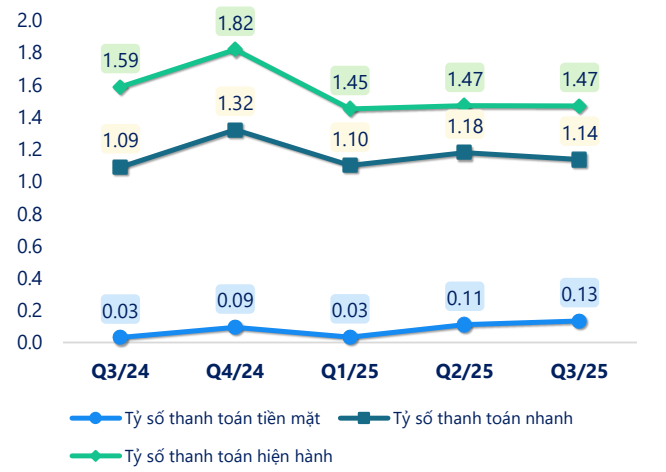
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



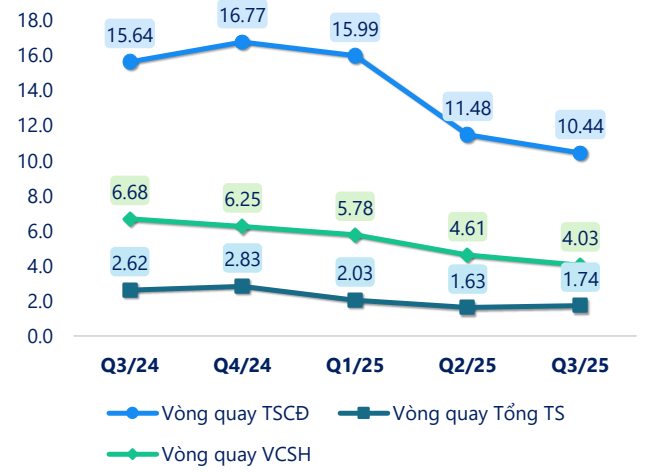
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,059**	**1,028**	**1,345**	**1,421**	**1,370**
Tài sản ngắn hạn	**814**	**749**	**959**	**962**	**816**
Tiền và tương đương tiền	16.1	38.6	21.7	72.5	74.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	134	136
Phải thu ngắn hạn	503	484	680	536	387
Hàng tồn kho	255	205	232	190	185
Tài sản ngắn hạn khác	39.4	20.8	25.1	29.2	33.4
Tài sản dài hạn	**246**	**280**	**386**	**458**	**554**
Phải thu dài hạn	0.80	9.30	9.30	9.41	13.6
Tài sản cố định	181	185	181	228	223
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	58.4	72.3	183	208	303
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.70	5.04	4.86	5.70	5.91
Lợi thế thương mại	0	8.44	8.10	7.74	7.39
Nợ phải trả	**612**	**453**	**760**	**825**	**770**
Nợ ngắn hạn	**513**	**412**	**661**	**654**	**555**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	134	122	146	139	174
Phải trả người bán ngắn hạn	287	175	423	384	219
Nợ dài hạn	99.4	41.3	98.3	171	215
Vay và nợ thuê dài hạn	99.4	41.3	90.6	163	201
Nguồn vốn chủ sở hữu	**447**	**575**	**586**	**595**	**600**
Vốn chủ sở hữu	**447**	**575**	**586**	**595**	**600**
Vốn điều lệ	250	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)